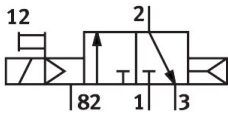


# **Van điện từ** **VUVS-L25-M32C-AD-G14-F8-1C1+G** Số bộ phận: 8059139

**FESTO**



## **Bảng dữ liệu**

| Đặc tính                                                   | Giá trị                              |
|------------------------------------------------------------|--------------------------------------|
| Chức năng van                                              | 3/2 đóng đơn ổn định                 |
| Kiểu vận hành                                              | điện                                 |
| Kích thước van                                             | 26.5 mm                              |
| Lưu lượng danh nghĩa bình thường (chuẩn hóa theo DIN 1343) | 1000 l/ph                            |
| Cổng nối làm việc bằng khí nén                             | G1/4                                 |
| Điện áp vận hành                                           | 24V DC                               |
| Áp suất vận hành                                           | 0.25 MPA...1 MPA<br>2.5 bar...10 bar |
| Cấu trúc xây dựng                                          | thanh trượt pít tông                 |
| Kiểu cài đặt lại                                           | lò xo khí nén                        |
| Giấy phép                                                  | c UL us - Recognized (OL)            |
| Mức độ bảo vệ                                              | IP65<br>có ổ cắm<br>theo IEC 60529   |
| Chiều rộng định mức                                        | 6.3 mm                               |
| Chức năng khí xả                                           | có thể điều tiết                     |
| Nguyên lý bít                                              | mềm                                  |
| Vị trí lắp đặt                                             | bất kì                               |
| Nút ghi đè                                                 | khớp<br>quét                         |
| Kiểu điều khiển                                            | điều khiển trước                     |
| kiểm soát cung cấp không khí                               | trong                                |
| Hướng dòng chảy                                            | không thể đảo ngược                  |
| Xếp chồng                                                  | gối chồng dương                      |
| giá trị b                                                  | 0.3                                  |
| Giá trị C                                                  | 4.7 l/s*bar                          |
| Thời gian chuyển mạch tắt                                  | 26 ms                                |
| Thời gian chuyển mạch bật                                  | 13 ms                                |
| Thời gian bật                                              | 100%                                 |
| Xung thử nghiệm dương tính tối đa với tín hiệu 0           | 2000 µs                              |
| Xung thử nghiệm âm tối đa với 1 tín hiệu                   | 3600 µs                              |
| Giá trị đặc trưng cuộn dây                                 | 24 V DC: 3,3 W                       |

| Đặc tính                                                                  | Giá trị                                                                              |
|---------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------|
| Dao động điện áp cho phép                                                 | +/- 10 %                                                                             |
| Môi chất vận hành                                                         | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Lưu ý về môi chất vận hành/điều khiển                                     | Có thể hoạt động bằng dầu (cần thiết cho hoạt động tiếp theo)                        |
| Khả năng chống rung                                                       | Kiểm tra bộ gá vận chuyển với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-4 và EN 60068-2-6 |
| chống sốc                                                                 | Kiểm tra va đập với mức độ nghiêm trọng 2 theo FN 942017-5 và EN 60068-2-27          |
| Lớp chống ăn mòn KBK                                                      | 2 - bị ăn mòn vừa phải                                                               |
| Tuân thủ LABS                                                             | VDMA24364-B1/B2-L                                                                    |
| Độ phù hợp sử dụng trong phòng sạch, được đo theo tiêu chuẩn ISO 14644-14 | Loại 6 theo ISO 14644-1                                                              |
| Nhiệt độ trung bình                                                       | -10 °C...60 °C                                                                       |
| Môi chất kiểm soát                                                        | Khí nén theo ISO 8573-1:2010 [7:4:4]                                                 |
| Nhiệt độ môi trường xung quanh                                            | -10 °C...60 °C                                                                       |
| trọng lượng sản phẩm                                                      | 307 g                                                                                |
| Cổng nối điện                                                             | Dạng C<br>theo EN 175301-803                                                         |
| Kiểu gắn                                                                  | tùy ý:<br>Trên ray gắn van cụm<br>với lỗ xuyên                                       |
| Kết nối lỗ mở thông khí                                                   | không được gom                                                                       |
| Cổng nối kiểm soát khí thải 82                                            | M5                                                                                   |
| Cổng nối khí nén 1                                                        | G1/4                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 2                                                        | G1/4                                                                                 |
| Cổng nối khí nén 3                                                        | G1/4                                                                                 |
| Ghi chú vật liệu                                                          | Tuân thủ RoHS                                                                        |
| Vật liệu của phốt                                                         | HNBR<br>NBR                                                                          |
| Vật liệu vỏ                                                               | Nhôm đúc áp lực<br>sơn                                                               |
| Vật liệu con trượt pít tông                                               | Hợp kim nhôm rèn                                                                     |
| Vật liệu vít                                                              | Thép mạ, kẽm                                                                         |